SỞ Y TẾ LẠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ BÌNH GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **166**/KH - TTYT

Bình Gia, ngày 18 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về Quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Trung tâm Y tế huyện Bình Gia xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với yêu cầu theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

2. Yêu cầu

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành, đảm bảo hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành và đầy đủ chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Trung tâm Y tế huyện Bình Gia có trách nhiệm phân công người hướng dẫn phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành (Người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng hướng dẫn thực hành

Bác sĩ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản, bác sĩ có văn bằng chuyên khoa (Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Tai mũi họng, Răng hàm mặt); Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ y học dự phòng, Bác sĩ y học cổ truyền, Y sĩ đa khoa, Y sĩ Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y hình ảnh y học, Kỹ thuật y xét nghiệm y học, Kỹ thuật y phục hồi chức năng..

2. Thời gian áp dụng

Sau khi nộp bản công bố và được công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Lạng Sơn và Website của TTYT huyện Bình Gia.

III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

1. Hình thức đào tạo thực hành

Hướng dẫn thực hành tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

2. Chương trình, nội dung đào tạo thực hành

Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành và phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung thực hành dựa trên phạm vi hành nghề của người hành nghề quy định tại Điều 11 Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh và đủ thời gian thực hành tại Trung tâm y tế theo quy định; đối với chức danh bác sĩ chuyên khoa tối thiểu là 18 tháng, đối với chức danh bác sĩ y khoa là 12 tháng, đối với chức danh y sỹ là 9 tháng, đối với chức danh hộ sinh, điều dưỡng, kỹ thuật viên là 6 tháng.

3. Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môm khám bệnh, chữa bệnh người thực hành còn tham gia các buổi tập huấn sau *(thời lượng giảng dạy mỗi nội dung 2 - 4 tiết)*:

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bện
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- An toàn người bệnh; Kiểm soát nhiễm khuẩn.

IV. THỜI GIAN THỰC HÀNH

1. Đối với người có văn bằng chuyên khoa sau khi được cấp văn bằng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị tham gia kiểm tra đánh giá năng lực và không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp thì phải thực hành lại về chuyên khoa đó 12 tháng.

TT	Chức danh	Thời gian thực hành	Chuyên khoa cấp xác nhận thực hành	Chuyên khoa thực hành
1	Bác sĩ CKCI Nội	12 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Nội khoa
2	Bác sĩ CKCI Ngoại	12 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa
3	Bác sĩ CKCI Nhi	12 tháng	Khoa Nhi-Truyền nhiễm	Nhi khoa
4	Bác sĩ CCKCI Sản	12 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản	Sản phụ khoa
5	Bác sĩ CKCI Hồi sức cấp cứu	12 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc	Hồi sức cấp cứu
6	Bác sĩ CCKI Gây mê hồi sức	12 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc	Gây mê hồi sức
7	Bác sĩ CCKI Chẩn đoán hình ảnh	12 tháng	Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh
8	Bác sĩ CCKI Y học cổ truyền	12 tháng	Khoa Y học cổ truyền&Phục hồi chức năng	Y học cổ truyền

2. Đối với người có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản:

TT	Chức danh	Thời gian thực hành	Chuyên khoa cấp xác nhận thực hành	Chuyên khoa thực hành
1	Bác sĩ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Y học cổ truyền, Tai mũi họng, Răng hàm mặt	Tổng thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản và thực hành tại khoa tương ứng tối thiểu **18** tháng	Tại các khoa tương ứng đã được đào tạo: Nội tổng hợp, Nhi-Truyền nhiễm, Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản, Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc, Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y học cổ truyền&Phục hồi chức năng.	Tương ưng: Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Y học cổ truyền, Tai mũi họng, Răng hàm mặt

3. Đối với người có các văn bằng sau: Bác sĩ (bác sĩ y khoa, bác sĩ y học dự phòng, bác sĩ Răng hàm mặt, bác sĩ Tai mũi họng, bác sĩ y học cổ truyền), Y sĩ (y sĩ đa khoa, y sĩ y học cổ truyền), Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y xét nghiệm y học, Kỹ thuật y hình ảnh y học, kỹ thuật y phục hồi chức năng, kỹ thuật y phục hình răng) Thực hành như sau:

TT	Chức danh	Thời gian thực hành	Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khoa hướng dẫn thực hành
1	Bác sĩ y khoa và bác sĩ y học dự phòng	12 tháng	Nội: 03 tháng	Khoa Nội tổng hợp
			Ngoại: 02 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Phụ sản: 02 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản
			Nhi-Truyền nhiễm: 02 tháng	Khoa Nhi-Truyền nhiễm
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc
2	Bác sĩ Răng hàm mặt	12 tháng	Răng hàm mặt: 09 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc
3	Bác sĩ Tai mũi họng	12 tháng	Tai mũi họng: 09 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc
4	Bác sĩ y học cổ truyền	12 tháng	Y học cổ truyền: 09 tháng	Khoa Y học cổ truyền&Phục hồi chức năng
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc
5	Y sĩ đa khoa	09 tháng	Nội: 1,5 tháng	Khoa Nội tổng hợp
			Ngoại : 1,5 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Khám bệnh: 1,5 tháng	Khoa Khám bệnh
			Nhi: 1,5 tháng	Khoa Nhi-Truyền nhiễm
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực - Chống độc
6	Y sĩ y học cổ truyền	09 tháng	Y học cổ truyền: 06 tháng	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng
			Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc

7	Điều dưỡng	06 tháng	Nội: 01 tháng	Khoa Nội tổng hợp
			Ngoại : 01 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Nhi: 02 tháng	Khoa nhi - Truyền nhiễm
			Khám bệnh: 01 tháng	Khoa Khám bệnh
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc
8	Hộ Sinh	06 tháng	Phụ sản: 05 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc
9	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	06 tháng	Kỹ thuật xét nghiệm y học: 05 tháng	Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc
10	Kỹ thuật hình ảnh y học	06 tháng	Kỹ thuật hình ảnh y học: 05 tháng	Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc
11	Kỹ thuật phục hồi chức năng	06 tháng	Kỹ thuật phục hồi chức năng: 05 tháng	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc
12	Kỹ thuật Phục hình răng	06 tháng	Khoa Ngoại: 03 tháng	Khoa Ngoại và Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
			Khám bệnh: 02 tháng	Khoa Khám bệnh
			Hồi sức cấp cứu: 01 tháng	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc

Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết). Thời gian tập huấn này được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

Lưu ý: Trong quá trình thực hành vì lý do sức khoẻ hoặc trường hợp bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa không quá 12 tháng và được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó. Việc bảo lưu kết quả thực

hiện theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2. Số lượng người hướng dẫn và số lượng người thực hành có thể tiếp nhận

- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận: 75 người *(Bác sĩ CK1: 10 người; Bác sĩ y khoa, bác sĩ y học dự phòng, bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ tai mũi họng, bác sĩ răng hàm mặt: 25 người; Y sĩ: 10 người; Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y: 30 người)*

- Số lượng người hướng dẫn tại: *(Có phụ lục I kèm theo)*

3. Địa điểm thực hành tại các khoa/ phòng trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Gia tham gia đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Xây dựng kế hoạch thực hành và công bố cơ sở là cơ sở đủ điều kiện hướng dẫn thực hành và đăng tải trên cổng thông tin của TTYT huyện, Sở Y tế theo quy định.

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hành hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hành.

- Tham mưu ký Hợp đồng thực hành và quyết định phân công người hướng dẫn thực hành. Quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tổng hợp danh sách học viên và người tham gia hướng dẫn thực hành.

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ-CP về Sở Y tế, trong đó phải nêu rõ thời gian bắt đầu thực hành và dự kiến thời gian kết thúc thực hành.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh và danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên cổng thông tin của Sở Y tế, Trung tâm Y tế.

- Trình Giám đốc cấp giấy xác nhận cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2. Phòng Tài chính, kế toán

Tham mưu thực hiện thu kinh phí đào tạo học viên. Việc hạch toán, thu chi, quyết toán phải thực thiện đúng theo quy định của pháp luật.

3. Các khoa, phòng chuyên môn

- Tuân thủ sự phân công về hướng dẫn thực hành của lãnh đạo Trung tâm Y tế.

- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho học viên theo quy định.

- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

4. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn của người đứng đầu cơ sở thực hành.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

- Người trực tiếp hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội quy quy định. Đánh giá nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi người thực hành hoàn thiện từng nội dung thực hành.

- Biểu mẫu đánh giá kết quả thực hành cho học viên chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét quá trình thực hành và mẫu đề thi theo thông tư 21/2020/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Y tế.

5. Người thực hành

- Học viên phải tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành và phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung thực hành và đủ thời gian thực hành theo quy định.

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của cơ sở hướng dẫn thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Bảo bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Chủ động tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.

- Đóng kinh phí đầy đủ theo quy định của Trung tâm y tế huyện Bình Gia.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Trên đây là Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Gia năm 2025.

- Đề nghị các khoa/phòng và cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế Lạng Sơn;
- Giám đốc, phó giám đốc TTYT;
- Các khoa, phòng, trạm y tế trực thuộc;
- Lưu: VT, TCHC(MVC).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH GIA

Bùi Huynh Định

Phụ lục I

DANH SÁCH

Người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại TTYT Bình Gia

(Kèm theo Kế hoạch số 166/KH-TTYT ngày 18/6/2025 của TTYT huyện Bình Gia)

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CCHN	Ngày tháng năm cấp	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành
1	Bùi Huynh Định	Bác sĩ	001587/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa: Gây mê hồi sức, CKCII Y tế công cộng
2	Lâm Văn Thưởng	Bác sĩ	001595/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội -Nhi, CKCI Nội
3	Lê Xuân Sơn	Bác sĩ	001597/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội - Nhi, CKCI Nội
4	Mỗ Văn Thế	Bác sĩ	001602/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Ngoại - Sản, CKCI Ngoại
5	Hoàng Thị Sen	Bác sĩ	000100/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội-Nhi, CKCI Nhi
6	Lê Đắc Quân	Bác sĩ	000517/LS-CCHN	13/10/2016	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Gây mê hồi sức, CKCI Gây mê hồi sức
7	Hoàng Văn Huân	Bác sĩ	001663/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Tai mũi họng, CKCI Tai mũi họng.
8	Tô Đức Vương	Bác sĩ	001662/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Răng hàm mặt, CKCI Nội
9	Hoàng Thị Hữu	Bác sĩ	003008/LS-CCHN	16/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Ngoại-Sản, Chẩn đoán hình ảnh, CKCI Chẩn đoán hình ảnh
10	Hà Quang Phú	Bác sĩ	004107/LS-CCHN	19/01/2021	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Gây mê hồi sức, CKCI Gây mê hồi sức
11	Hoàng Kim Chiến	Bác sĩ	001628/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Y học cổ truyền,

					CKCI Y học cổ truyền
12	Bàn Văn Chiến	Bác sĩ	000545/LS-CCHN	13/10/2016	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CKCI Ngoại
13	Dương Thị Hằng	Bác sĩ	002456/LS-CCHN	04/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền,
14	Hà Thị Phượng	Bác sĩ	001603/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Ngoại-Sản, CKCI Sản phụ
15	Hứa Văn Đức	Bác sĩ	002460/LS-CCHN	04/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Ngoại-Sản
16	Vy Thị Cao	Bác sĩ	001641/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội -Nhi
17	Dương Thị Hiền	Bác sĩ	001661/LS-CCHN	16/09/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Ngoại-Sản, CKCI Sản khoa
18	Nông Thị Phượng	Bác sĩ	000098/LS-CCHN	28/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Sản phụ, CKCI Sản khoa
19	Triệu Thị Hoa	Bác sĩ	003006/LS-CCHN	16/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội -Nhi, CKCI HSCC
20	Bàn Tiến Quỳnh	Bác sĩ	003007/LS-CCHN	16/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CKCI Ngoại
21	Hoàng Văn Tú	Bác sĩ	002478/LS-CCHN	04/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, hệ Nội -Nhi, Gây mê hồi sức, CKCI Nội
22	Lê Xuân Vũ	Bác sĩ	004412/LS-CCHN	16/06/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, CKCI Gây mê hồi sức
23	Hoàng Bảo Sơn	Bác sĩ	005480/LS-CCHN	28/09/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
24	Hoàng Thị Thuý	Bác sĩ	003418/YB-CCHN	26/03/2019	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
25	Lương Thị Vân Anh	Bác sĩ	005561/LS-CCHN	03/03/2023	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
26	Mỗ Thị Phượng	Bác sĩ	005485/LS-CCHN	28/09/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
27	Lê Thị Liễu	Điều dưỡng	001617/LS-CCHN	16/09/2013	Điều dưỡng đại học
28	Hoàng Văn Nam	Điều dưỡng	001625/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
29	Lành Văn Máy	Điều dưỡng	001794/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
30	Hoàng Thị Hiềm	Điều dưỡng	001607/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học

31	Triệu Văn Hà	Điều dưỡng	001615/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
32	Hoàng Thị Thiều	Điều dưỡng	001620/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
33	Hoàng Thị Hương	Điều dưỡng	001624/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
34	Bành Thị Liên	Điều dưỡng	001598/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng đại học
35	Hoàng Văn Lược	Điều dưỡng	000544/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
36	Nguyễn Thị Hợp	Điều dưỡng	001619/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
37	Nông Văn Phẩm	Điều dưỡng	002113/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
38	Nông Thị Thoa	Điều dưỡng	003018/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
39	Mỗ Thị Lệ	Điều dưỡng	001626/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
40	Hoàng Thị Hiền	Điều dưỡng	001614/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
41	Hoàng Đình Mạnh	Điều dưỡng	001605/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
42	Lâm Thị Nhọi	Điều dưỡng	003022/LS-CCHN	16/06/2015	Điều dưỡng cao đăng
43	Nguyễn Thị Hương Mơ	Điều dưỡng	002128/LS-CCHN	30/10/2017	Điều dưỡng cao đăng
44	Hoàng Phương Thảo	Điều dưỡng	000546/LS-CCHN	13/10/2016	Điều dưỡng cao đăng
45	Hoàng Thị Tâm	Điều dưỡng	003451/LS-CCHN	17/05/2019	Điều dưỡng cao đăng
46	Hoàng Thị Thanh Nhàn	Điều dưỡng	003398/LS-CCHN	21/11/2018	Điều dưỡng cao đăng
47	Hoàng Thị Thọ	Điều dưỡng	000547/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
48	Lành Thị Chuyên	Điều dưỡng	000698/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
49	Triệu Văn Dụ	Điều dưỡng	001609/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
50	Nguyễn Thị Quế	Điều dưỡng	001618/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
51	Nông Ngọc Nghĩa	Điều dưỡng	001627/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
52	Lý Thị Hường	Điều dưỡng	001633/LS-CCHN	27/12/2022	Điều dưỡng cao đăng
53	Hoàng Thị Ón	Hộ sinh	001795/LS-CCHN	27/12/2022	Hộ sinh đại học
54	Lương Thị Hằng	Hộ sinh	001612/LS-CCHN	27/12/2022	Hộ sinh đại học
55	Hoàng Thị Phượng	Hộ sinh	001610/LS-CCHN	16/09/2013	Hộ sinh đại học
56	Nông Thị Bông	Hộ sinh	003025/LS-CCHN	27/12/2022	Hộ sinh cao đẳng
57	Hoàng Thị Lý	Hộ sinh	003021/LS-CCHN	27/12/2022	Hộ sinh cao đẳng
58	Ngô Thị Thanh Thảo	Hộ sinh	003328/LS-CCHN	20/07/2018	Hộ sinh cao đẳng
59	Nguyễn Thị Phương Thảo	Hộ sinh	003253/LS-CCHN	09/05/2018	Hộ sinh cao đẳng
60	Nông Ngọc Thăng	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	003017/LS-CCHN	27/12/2022	KTV xét nghiệm đại học
61	Hoàng Thị Hiền	Kỹ thuật	001639/LS-CCHN	16/09/2013	KTV xét nghiệm đại học

		viên xét nghiệm y học			
62	Lê Thị Danh	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	001639/LS-CCHN	16/09/2013	KTV xét nghiệm cao đẳng
63	Dương Công Thịnh	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	000103/LS-GPHN	23/07/2024	KTV hình ảnh cao đẳng
64	Hoàng Văn Quý	Kỹ thuật Y	003024/LS-CCHN	27/12/2022	Cao đẳng VLTL-PHCN
65	Hoàng Bảo Thi	Kỹ thuật Y	003299/LS-CCHN	27/12/2022	Cao đẳng VLTL-PHCN
	Tổng: 65				

Danh sách ấn định: 65 người.